Anh
MAI ĐỨC KHÔI

Đào Mỹ Nguyệt

Anh Mai Đức Khôi là hàng xóm của tôi ở đường Thống Nhất, xóm Địa Dư, Đà Lạt. Dãy chung cư hai tầng lầu này dành cho công chức, ba tôi lúc đó là Trưởng Ty Thuế Vụ Đà Lạt. Nhà tôi ở số 12, nhà anh ở số 9. Anh kể cho chúng tôi nghe là cha của anh theo Quốc Dân Đảng bị Việt Minh giết. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ưu tiên cho anh và người em trai tên Mai Trung Ngọc học trường trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt. Gia đình anh được ở khu chung cư tương đối cao cấp này có lẽ cũng vì lý do đó. Mọi người gọi mẹ anh là Bác Quản, do chức vụ của thân phụ anh trong đội lính khố đỏ, binh sĩ chính quy thời thuộc địa Pháp. Tôi không biết tên thật của bà. Bác Quản và mẹ tôi rất thân nhau, hai bà cụ đều là Bắc Kỳ di cư, răng đen rau muống chít khăn mỏ quạ.

Anh Khôi và anh Ngọc lớn lên muốn làm lính để trả món nợ không đội trời chung với Cộng Sản cho cha. Hai anh đều vào Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt khóa 16.

Anh bị mất bàn tay phải trong một tai nạn. Từ đó anh đành từ giã chiến trường. Những câu chuyện về gia đình anh, sau này tôi mới biết. Còn lúc đầu khi gia đình anh mới dọn đến

chung cư, khoảng đầu thập niên 1960, mấy chị em tôi chỉ chú ý đến anh vì anh… đẹp trai, dáng vẻ nho nhã hiền lành. Lúc đó anh làm cho tờ Đa Hiệu – đặc san của trường Võ Bị Đà Lạt. Anh thường xuất hiện trong bộ quân phục thẳng nếp, mang giầy sô bóng, trông rất oai.

Nhà tôi gần trường trung học Pháp **Grand Lycée** – ngôi trường đồ sộ theo kiến trúc Âu Châu được xem là một trong những ngôi trường đẹp nhất Đông Nam Á. Từ nhà tôi đến trường chỉ độ năm hem đi bộ. Các em gái và em trai tôi đều học Grand Lycée, còn tôi thì học trường nữ trung học Bùi Thị Xuân. Anh hay đứng ở cửa sổ nhìn ra đường, không biết có phải để ngắm các nữ sinh Lycée trên đường đến trường hay không. Còn mấy chị em tôi thì hay lén nấp sau cửa sổ, hoặc sau này dạn dĩ hơn thì thò đầu ra cửa sổ để… ngắm anh khi nào anh thơ thẩn trước nhà. Mấy cô bạn cùng lớp với các em gái tôi cũng để ý đến anh. Những lần đi học về tình cờ gặp anh đứng trước cửa sổ hay trước hiên nhà, mấy chị em tôi lân la hỏi chuyện, những câu chuyện không đầu không đuôi nhưng từ từ khiến chúng tôi trở nên thân thiết hơn. Chúng tôi để ý anh hay đút một tay vào túi quần. Sau này chúng tôi mới biết anh có một bàn tay gỗ.

Một lần nói chuyện với ba tôi, anh khoe anh biết coi tử vi. Khi ba tôi còn trẻ, có người coi tử vi cho ba tôi nói rằng ông sẽ thành công trên đường sự nghiệp, và sau này nghiệm ra thì quả đúng như vậy. Cho nên nghe anh khoe thế ba tôi rất thích và mời anh khi rảnh qua nhà tôi chơi và xem tử vi cho cả nhà.

Chẳng biết anh có ngấp nghé cô nào trong mấy chị em tôi hay không, nhưng thế là anh có lý do chính đáng để qua nhà chúng tôi thường xuyên. Khi có mặt ba tôi thì anh đem tặng mấy cuốn đặc san Đa Hiệu, coi tử vi và nói chuyện thế sự. Khi không có mặt ba tôi thì anh đem theo cây đàn ghi-ta, hát cho chúng tôi nghe. Giọng anh trầm ấm rất hay. Anh bấm đàn bằng tay trái, chiếc tay gỗ bên phải gẩy nhẹ những sợi dây đàn. Anh bày cho chúng tôi hát bài Chiến Sĩ Vô Danh. Có nỗi buồn nào đó mênh mang khó tả khi anh hát những lời

ca bi hem, phải chăng là một niềm nuối tiếc không được tiếp tục xông pha ngoài chiến trường bên đồng đội của mình, hay là lời tưởng nhớ những đồng đội của mình đã ngã xuống cho quê hương.

Anh có phong thái của một nghệ sĩ, hay một văn nhân, hơn là một người lính. Và vì vậy anh cũng rất đào hoa. Nào là nữ sinh Lycée, nữ sinh Bùi Thị Xuân… Có lẽ vì không có duyên nợ với anh nên các chị em tôi và anh chỉ là hem xóm thân thiết và không đi xa hơn. Năm 1965, gia đình tôi dọn ra khỏi xóm Địa Dư về đường Lữ Gia, xóm Chi Lăng – gần trường Đại Học Quân Sự. Có một thời gian anh được ở trong Đại Học Quân Sự và có đến thăm ba mẹ tôi. Nhưng hết là ha`ng xóm nên mấy chị em tôi không có dịp liên lạc thường với anh nữa.

Gần bốn mươi năm sau, năm 2013, trong một lần nói chuyện với cậu em tôi ở Las Vegas, chẳng hiểu trời xui đất khiến thế nào, tôi tự hem buột miệng hỏi thăm về anh Khôi, và ngẫu nhiên làm sao, cậu em cho biết cậu vừa mới đến thăm anh tại nhà anh ở Quận Cam Cali. Cậu em cho tôi số điện thoại, chiều hôm đó tôi gọi cho anh. Anh vô cùng ngạc nhiên và thoạt đầu không nhận ra tôi là ai trong số bảy chị em gái hem xóm của anh ngày xưa. Mãi sau anh mới nhớ đúng tên tôi 'chắc chắn tên em là Trăng rồi!'

Từ đó tôi từ miền Đông nước Mỹ, và anh ở miền Cali nắng ấm, ngày nào cũng gọi điện cho nhau chuyện trò như pháo nổ. Qua bao nhiêu thăng trầm của quê hương, tôi và anh lại gặp nhau nơi đất lạ quê người. Anh sống đơn thân đã lâu, và tôi cũng thế. Anh đã gần tám mươi, còn tôi – người lịch sự không ai hỏi tuổi đàn bà, cho nên tôi cũng không công khai tuổi của tôi đâu nhé. Hãy cứ biết là tôi đã là bà nội của một đàn cháu. Thế mà chúng tôi thân thiết như chưa bao giờ xa cách nhau. Tóc chúng tôi đã ngả màu muối tiêu, nét hào hoa một thời tuổi trẻ của anh đã nhạt phai với thời gian, nhưng giọng Bắc trầm ấm của anh, và vẻ phong nhã của một văn nhân vẫn không thay đổi.

Khi có dịp xuống Cali, thể nào tôi cũng ghé thăm anh, hai hemh đi chơi với nhau. Anh thú thực ngày xưa cũng ngấp nghé tôi đấy, nhưng mặc cảm tật nguyền và gia cảnh quá khác biệt – mẹ anh goá bụa chật vật nuôi một đàn con, còn tôi là con của một công chức cao cấp – khiến anh không dám ngỏ lời. Tôi nói với anh, như thế có lẽ hay hơn, bởi vì` 'tình chỉ đẹp khi còn dang dở'. Anh kể nhiều hơn cho tôi nghe về những gian nan mà anh – như tất cả những người ngã ngựa sau 1975 – đã trải qua. Dứt khoát không đội trời chung với Cộng Sản, anh không ra 'đăng ký' đi 'học tập cải tạo'. Anh tham gia một tổ chức phục quốc bí mật nhưng xui cho anh, tổ chức này bị một tên nằm vùng chỉ điểm. Những người trong tổ chức bị bắt gần trọn ổ, chỉ còn mỗi mình anh trốn chui trốn nhủi khắp Sài Gòn. Anh phải dời đi nơi này nơi khác nhiều lần, có khi phải giả dạng hem dân, nhưng cuối cùng cũng bị bắt va`bị đi tù suốt 13 năm dài.

Trong tù anh vẫn giữ nguyên khí phách của một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Với phương châm 'Tự Thắng Để Chỉ Huy', tinh thần trọng Danh Dự và Trách Nhiệm của người chiến sĩ VNCH, anh mềm mỏng nhưng không bao giờ quỵ lụy trước kẻ thù.

Khi thấy một đồng đội của mình bị một tên quản giáo đối xử quá tàn ác, anh lên tiếng bênh vực và bị còng tay đưa lên cán bộ cấp trên 'xử lý'. Anh vẫn ngạo nghễ đối đáp với tên cán ngố.

Cán ngố hất hàm hỏi anh:

_'Tại sao anh làm mất kỷ luật trong trại?'

Anh dõng dạc trả lời:

_'Tôi thấy anh quản giáo đối xử với người tù quá bất công nên tôi lên tiếng chứ tôi không làm mất trật tự kỷ luật của trại.'

_'Bây giờ anh muốn gì`?' Cán ngố hỏi.

_'Tôi chỉ muốn nói, các anh và chúng tôi đều la` người Việt Nam, cá nhân chúng ta không thù ghét gì nhau, bây giờ

các anh là "bên thắng cuộc", nên vì tình con người mà đối xử với chúng tôi tử tế hơn…'

Cán bộ lớn tiếng:

_'Chúng tôi đã vì tình người và vì sự khoan hồng của cách mạng nên mới không bắn bỏ các anh, đem các anh vào đây để cải tạo các anh thành con người tốt, anh còn ngoan cố gì nữa…'

_'Làm sao các anh có thể cải tạo được chúng tôi!'

Rồi anh hét lên:

_'Thà các anh cứ việc bắn bỏ chúng tôi! Chúng tôi thà chịu chết dưới ngọn hem của quân thù, chúng tôi không chấp nhận bị đối xử như một con vật!'

Anh còn muốn nói hem nữa vì lúc ấy anh không còn sợ chết, nhưng tên cán bộ và tên quản giáo đã lôi anh vào phòng biệt giam. Chúng còng một tay và một chân anh vào nhau, anh ăn ngủ và vệ sinh trong không gian vài mét vuông đó. Đã có khi anh tưởng mình cận kề cái chết, nhưng anh đã sống lại, như một phép mầu. Cả trại giam đều biết chuyện này và rất kính phục anh.

Anh chỉ còn một tay nhưng rất tháo vát. Nhặt được mẩu sắt vụn đâu đó, anh mài dũa thành kim khâu, rút dây bao bố làm chỉ, nhặt bao bố làm vải, cặm cụi may quần đùi cho bạn tù cải tạo và những thanh niên bị tù hình sự bị nhốt chung vào đây với các anh. Những chiếc quần đùi anh may vụng về vá víu không ra hồn gì cả, nhưng nó giúp cho bạn tù che tấm thân còm cõi, và làm họ ấm hem.

Anh đến Mỹ năm 1998, khi ấy anh đã lấy lại được phong độ của 23 năm về trước. Như một chiến sĩ thắng trận trở về, anh được tuyên dương như một anh hem, ngồi trên hemh đi khắp phố Bolsa, trong sự yêu mến và kính phục của đồng đội và những người Việt tha hương.

Sang Mỹ, anh vẫn giữ hem kiêu hãnh và tự trọng của một người tuy thuộc về` 'bên thua cuộc' nhưng không hề` thua trận

trong sứ mệnh bảo vệ tổ quốc và chính nghĩa tự do. Anh xác nhận anh đã chiến đấu cho chính nghĩa, cho lý tưởng bảo vệ Tổ Quốc và quê hương Việt Nam. Anh không phải là lính đánh thuê cho Mỹ, cho nên anh không hem vào quốc tịch Mỹ để có thể nhận hem bất cứ quyền lợi vật chất nhỏ nhoi nào.

Anh có mỗi một trương mục dành cho người thuộc diện đặc biệt như anh, hết nửa số tiền đó là để trả tiền thuê phòng. Với số tiên còn lại, anh sống giản dị như một nhà tu, ăn chay trường, nhưng anh bảo anh rất hạnh phúc vì được hít thở không khí Tự Do. Anh bảo, một người đã từng chết đi và sống lại trong ngục tù Cộng Sản như anh thì vật chất, bon chen không có nghĩa gì cả, mọi thứ chỉ là phù du.

Anh nghiên cứu nhiều về đạo Phật, tôi gọi anh la` 'Thiền Sư' có lẽ cũng không quá đáng. Với sự hiểu biết ít ỏi của mình, tôi nghe anh giảng giải vê` Phật Pháp một cách say mê, tuy rằng càng nghe càng chẳng hiểu gì cả nhưng cũng ừ ừ, dạ dạ cho anh vui. Những lúc ấy khuôn mặt anh thanh thoát, trông anh như một Sư Thầy đã nhiều năm tu luyện khổ hạnh.

Anh bảo những người Cộng Sản đã đối xử với anh ác độc như thế nhưng anh không thù ghét căm hờn gì họ cả. Anh tôn trọng sự sống, cho dù là sự sống của một con kiến. Một kiếp đời của một con kiến cũng không khác gi` một kiếp đời của một con người.

Vài ngày trước khi tôi được tin anh ra đi, anh vẫn gọi điện thoại cho tôi như thường lệ, hai hemh nói chuyện đằm thắm như mọi khi. Tôi hỏi thăm 'anh khoẻ không?' Anh cười vui 'anh vẫn còn sống đây chưa có chết, mặc cho con virus corona đang hoành hành khắp thế giới…'

Thế rồi, thật bất ngờ, tôi nhận được tin từ một người bạn đồng môn của anh – Chu Văn An khoá 1959 – báo tin 'anh Khôi đã mất'. Đến bây giờ tôi vẫn chờ nghe tiếng điện thoại reo, và giọng nói hiền hòa của anh ở đầu dây. Tôi sẽ vẫn chờ anh vào những đêm trăng rằm, anh thích thú gọi cho tôi 'Nguyệt ơi… Đêm nay chị Hằng đẹp quá đang đến gõ cửa

phòng anh.' Tôi nói 'Thế anh cho chị ấy vào đi nhé.' 'Em không ghen tị à?' 'Dạ không!' Và cả hai bật cười.

Tôi mừng đã có dịp quen anh và gặp lại anh, được dịp chia sẻ với anh những niềm vui nho nhỏ, những giây hem ngọt ngào nhẹ nhàng lúc cuối đời. Tình cảm giữa chúng tôi là gì nhỉ, tôi vẫn không định nghĩa được. Tình hem xóm, tình hemh, tình đồng hương, tình yêu ở tuổi hoàng hôn, nhẹ nhàng như hương ngọc lan vào buổi sớm…

Anh là người không bao giờ trễ hẹn, và luôn luôn đến nơi hẹn trước giờ.

Anh tâm sự với tôi 'anh sẽ về thăm quê hương và gửi nắm xương tàn nơi quê cha đất tổ khi đất nước Việt Nam không còn chế độ xã hội chủ nghĩa man rợ.'

Nhưng lần này anh đã lỡ hẹn với quê hương.

Anh Mai Đức Khôi, một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa kiên cường, đã thi hành nghĩa vụ xuất sắc của một người trai thời loạn, đã dâng hết tuổi thanh xuân của mình cho quê hương.

Hình ảnh anh thật đẹp trong trái tim tôi.

Mong anh yên nghỉ nơi cõi Thiền.

***

ĐÀ LẠT, NIỀM THƯƠNG VÀ NỖI NHỚ

Nguyễn Tuấn, K16

Lời người viết: *Tôi viết bài này chỉ để riêng tặng những người sinh ra và lớn lên tại Đà Lạt, trong đó có các cựu học sinh trường Bùi Thị Xuân, Trần Hưng Đạo,Việt Anh và nhiều*

trường khác nữa, cùng đọc để tưởng nhớ một thời thơ dại của mình ở thành phố thơ mộng này.

Cha mẹ tôi người **làng Vạn Xuân**, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ai cũng biết xứ Huế đẹp và nên thơ, như người đời thường ca tụng qua thơ văn và âm nhạc, Tuy nhiên, Huế cũng thường gặp nhiều thiên tai, bão lụt tàn phá hằng năm. Đời sống của người dân xứ Huế, trong đó có cha mẹ tôi, quanh năm cơ cực và đói nghèo, giống như lời một bài hát của nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã miêu tả trong nhạc phẩm Hội Trùng Dương của ông: *Mùa Đông thiếu áo, Hè thời thiếu ăn.*

Làng Vạn Xuân, một ngôi làng nhỏ hiền hòa, không xa Hương Giang êm đềm và chỉ cách Thành Nội của cố đô khoảng 10 cây số. Giòng họ nội ngoại của cha mẹ tôi đã sống và trải qua nhiều đời ở ngôi làng này. Đất đai ở đây khô cằn và sỏi đá, nên các loại cây trồng, nhất là lúa gạo thường không đủ để nuôi sống con người. Nhìn thấy tương lai quá mù mịt và không có lối thoát cho cuộc sống của gia đình, cha mẹ tôi đành ngậm ngùi bỏ nơi chôn nhau cắt rốn của mình, tạm biệt người thân rồi dắt díu nhau tìm về vùng đất hứa của miền Hoàng Triều Cương Thổ, để mưu sinh trước năm 1938. Thưa các bạn, những hem mở đầu bài viết của tôi không liên quan gì đến Đà Lạt, một thành phố đầy hoa thơm cỏ lạ và mát mẻ quanh năm của chúng ta. Nhưng tôi muốn trình bày để các bạn biết gốc gác của cha mẹ tôi từ đâu đến Đà Lạt và tôi đã lần lượt chào đời ở đó cho đến ngày khôn lớn trưởng thành tại thành phố ngàn thông này như thế nào. Các bạn Đà Lạt thân mến, cha mẹ tôi kể rằng: Vùng đất hứa này lúc bấy giờ còn nhiều xa lạ và vô vàn khó đối với cha mẹ tôi. Đang ở chốn kinh kỳ quen thuộc từ bao đời, mặc dầu cuộc sống quanh năm thực sự đói khổ, nhưng tối lửa tắt đèn, bà con thân thuộc vẫn có nhau, nương tựa vào nhau để sống. Bây giờ, cha mẹ tôi tứ cố vô thân, chân ướt chân ráo tại vùng rừng núi hoang vu và hoàn toàn xa lạ này. Dù phải đối mặt với nhiều gian nan vất vả, nhưng với bản tính cần cù và siêng năng vốn có của người

dân quê xứ Huế, nên cha mẹ tôi luôn tâm niệm với hoài bảo sẽ có cuộc sống ấm no, sung túc hơn cho đời mình và các con cháu về sau.

Ánh hy vọng cho điều tốt đẹp đó vẫn còn ở cuối đường hầm, nhưng cha mẹ tôi vẫn luôn tin rằng rồi đây cuộc đổi đời này chắc chắn sẽ mỉm cười với mình mà thôi. Người đời vẫn thường có câu nói: Đất lành thì chim đậu. Các bạn Đà Lạt của tôi ơi, vùng đất lành đó chính là Cité Saint Benoit, do người Pháp khai phá khi họ đặt chân đến vùng Cao Nguyên Lâm Viên này, về sau được Việt hóa mà thành khu Chi Lăng bây giờ, nơi cha mẹ tôi đã quyết định dừng chân để an cư lạc nghiệp. Ngoài ra, cha mẹ tôi còn kể cho chúng tôi nghe hem nhiều điều thú vị lạ lùng khác nữa về vùng đất mới này. Thời gian đầu, người Việt Nam ở các vùng miền khác của đất nước đến lập nghiệp ở khu Chi Lăng còn lưa thưa lắm, chỉ có đôi ba gia đình lam lũ, nheo nhóc từ miền Trung kéo nhau vào đây để tìm kế sinh nhai. Đa số những gia đình đến sau, đều sống rải rác ở một vài nơi của chốn khỉ ho cò gáy này. Họ là những người cùng khổ, là dân lao động chân lấm tay bùn, làm thuê cuốc mướn, đi phụ hồ xây nhà cửa, phu làm đường xá, quét dọn hoặc chăm bón vườn cây cảnh cho những gia đình dân sự người Pháp ở địa phương để đổi lấy bát cơm hằng ngày.

Trước năm 1938, khu Chi Lăng phần lớn là rừng rậm hoang vu. Nhìn quanh mình, chỉ có rừng thông bạt ngàn bao phủ, núi đồi âm u và trùng điệp nối đuôi nhau chạy dài bất tận, đầy huyền bí, và mang nhiều nguy hiểm. Vì thế nên ít người dám lai vãng đến nơi này. Khi trời bắt đầu nhá nhem tối, mọi nhà đều phải lo đóng kín cửa để tránh cọp beo về rình mồi, bắt tha người và súc vật. Đêm khuya, các loài thú dữ thường về bắt heo gà của người dân trong vùng. Có thể nói, khu Chi Lăng lúc bấy giờ là nơi sương lam chướng khí đối với con người. Như các bạn đều biết: Đà Lạt của chúng ta thuộc miền cao nguyên Lâm Viên, nên buổi hem trời rất lạnh. Mọi người đều co ro, miệng đánh bò cạp và thở ra khói, mặc dầu ai cũng có chiếc áo len dày hay áo dạ bên ngoài để giữ hơi ấm. Sương mù

dày đặc bủa vây khắp nơi khi mặt trời còn ngái ngủ trên đỉnh núi Langbian hùng vĩ. Lúc mặt trời lên cao khỏi ngọn thông già thì sương mù cũng tan dần để nhường chỗ cho những tia

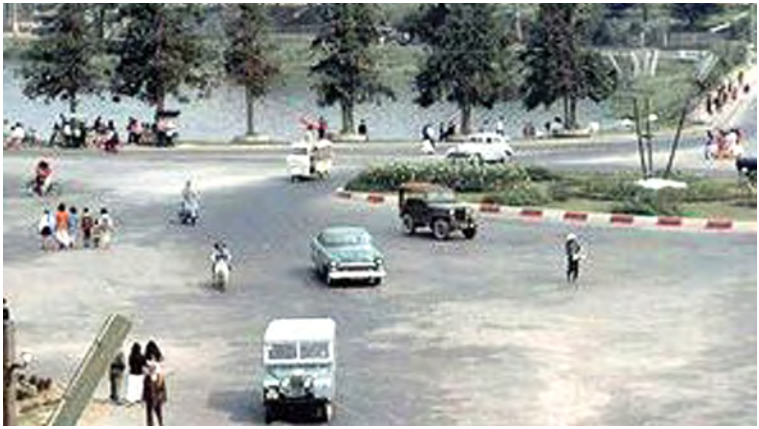

Cách xa nhà cha mẹ tôi ở khoảng ba cây số, dưới chân một ngọn núi được người dân nơi đây thường gọi là núi Bà, có một hồ nước nhỏ, nước hồ trong xanh quanh năm. Tôi chỉ nghe những người dân đến ở đây trước cha mẹ tôi kể lại: Hồ nước này trước đây là miệng một ngọn núi lửa. Khi đã nguội lạnh và không còn hoạt động nữa, nó để lại một hố sâu. Nước ở các dốc cao trên núi đổ về tạo thành một hồ nước thiên nhiên. Cảnh vật âm u buồn thảm và vắng vẻ quá, nên ít người lui tới viếng thăm. Nhìn thấy phong cảnh hồ có vẻ đẹp thơ mộng không chê vào đâu được, nhưng lại mang nhiều nỗi buồn muôn thuở nên người Pháp mới đặt tên là Lac des Soupirs, rồi người Việt Nam chúng ta dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cho tiện việc sổ sách và gọi là hồ Than Thở. Tên gọi này nghe gợi cảm và đúng quá, phải không các bạn? Từ hồ Than Thở chạy dài cho đến ấp Thái Phiên bây giờ (ấp này trước đây chưa có tên), nếu đi sâu vào những dảy núi xa về hướng giáp với thành phố Phan Rang và Nha Trang thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Khánh Hòa bây giờ, chỉ có những con đường mòn của đồng bào Thượng thuộc nhiều bộ tộc khác nhau sinh sống, đi lại để săn bắt thú rừng, làm rẫy. Khi người Việt đến định cư

ở khu Chi Lăng, những bộ tộc thiểu số này mới có thêm nhiều con đường mòn khác từ buôn làng của họ dẫn đến các khu vực có người Việt Nam cư ngụ để trao đổi phẩm vật với nhau.

Thỉnh thoảng họ kéo nhau đi từng đoàn, đàn ông thì đóng khố, đàn bà để ngực trần đen bóng, lưng đeo chiếc gùi, tay cầm xà gạc hoặc cây gậy bằng tre để chống đỡ chiếc gùi nặng sau lưng mỗi khi dừng chân nghỉ mệt. Họ nối đuôi nhau đi thành hàng một, đem theo heo gà, măng rừng, những bó ngo dầu để nhóm lửa, trao đổi với người Việt Nam sống ở khu Chi Lăng và một vài nơi khác thuộc thành phố Đà Lạt để lấy muối và cá mòi khô. Đây là những thực phẩm cần thiết cho đời sống hằng ngày của các bộ tộc thiểu số này. Dần dần, người Việt Nam tìm về định cư ở khu Chi Lăng ngày một đông hơn. Với bản tính cần cù, chịu thương chịu khó của mình, người dân xin phép chính quyền địa phương khai phá hem đất đai, đốt rừng làm rẫy, trồng các loại hoa màu, rau trái để buôn bán với nhau. Những khu rừng già trước đây, nay bị đẩy lùi xa dần, tạo hem nhiều không gian sống cho con người. Từ đó, những vườn rau xanh cùng các loài cây ăn trái khác nhau được tiếp tục trải dài hem cho đến vùng giáp ranh với Trại Mát ngày nay. Nơi đây đã mang lại nhiều của cải cho người dân sống ở khu vực này. Đó đây, xuất hiện thêm những ngôi nhà mới khang trang hơn, đầy đủ tiện nghi hơn và đẹp hơn trước nhiều. Các bạn Đà Lạt ơi, điều này đã chứng tỏ cho mọi người thấy rằng khu Chi Lăng của chúng tôi đã tiến triển một cách ngoạn mục, ngày càng đi lên trong bộ mặt mới của khu dân sinh này.

Bước chân canh tác của người dân lấn dần đến đâu thì cây rừng trống đến đó, nên các loài thú dữ cũng không còn môi trường sống và tồn tại ở khu vực này như trước đây. Nguy hiểm vì bị thú dữ vồ và sát hại cũng không còn xảy ra nữa. Tiếng lành đồn xa, nên người Việt Nam các nơi lại kéo nhau về đây để lập nghiệp, phát triển nhiều ngành nghề khác nhau. Cảnh buôn bán của người dân chung quanh khu vực gia đình cha mẹ tôi ở ngày càng nhộn nhịp và tấp nập hơn trước nhiều. Lúc này, đường sá cũng bắt đầu được chính quyền cho mở

mang dần dần. Con đường từ nhà tôi dẫn về trung tâm thành phố Đà Lạt Đalat vẫn còn nhỏ hẹp, hai bên đường còn nhiều rừng rậm chưa được phát quang. Đường đất nện được trải loại đá dăm nhỏ để tránh trơn trợt, nhưng đường không giữ được lâu bền do bị nước mưa xói mòn thường xuyên, nên có nhiều ổ gà nằm rải rác đó đây, gây nhiều khó hem cho việc đi lại của người dân.

Hằng tuần, vào mỗi thứ Hai, mẹ tôi đưa tôi đi học bằng xe ngựa để đến trường. Đây là phương tiện chuyên chở hành khách độc nhất ở khu Chi Lăng đi về phố thị. Xe ngựa chạy lọc cọc trên đoạn đường chỉ hơn năm cây số, nhưng mất nhiều thời gian vì đường gồ ghề và dằn xóc. Vào chiều thứ Sáu, mẹ tôi lại đến đón tôi về sống với gia đình vào hai ngày cuối tuần. Tôi còn nhớ năm tôi 6 tuổi, đang học lớp Tư trường Tiểu Học Đoàn Thị Điểm (bây giờ gọi là lớp 2). Lúc bấy giờ, tôi học với thầy Trình, đang dạy lớp Tư ở ngôi trường này. Nhắc đến thầy Trình, một người thầy khả kính, tôi chắc chắn những bạn nào cùng học một lớp với tôi ở thời gian này đều biết thầy, phải không các bạn? Vì nhà tôi ở xa trung tâm thành phố và việc di chuyển lại khó hem, nên từ năm học lớp Tư cho đến hết bậc tiểu học, tôi phải ở trọ nhà thầy Trình để đi học cho tiện. Nhà thầy nằm ở giữa đường dốc Nhà Làng.

Con đường dốc nhỏ lát đá này bây giờ vẫn còn đó, người ta vẫn gọi là đường dốc Nhà Làng thân yêu như ngày xưa. Tuy con đường này của chúng ta vẫn còn tồn tại theo thời gian, nhưng người xưa thì ít nhiều không còn hiện hữu ở đây nữa. Một số đã qua đời, một số đã theo con cháu định cư ở nước ngoài. Nhân dịp về thăm quê nhà ở Đà Lạt, tôi có ghé lại con đường này để tìm thăm gia đình thầy. Tôi được biết thầy và cô đã mất từ lâu, các con thầy bây giờ đều định cư ở Mỹ. Căn nhà thầy ở ngày xưa, bây giờ là nhà từ đường của họ Trần (họ của thầy) do một người bà con của thầy coi sóc và nhang khói hằng ngày. Các bạn Đà Lạt ơi, thời còn đi học, ngày hai buổi đi về, số đông các bạn đều đã đi qua con đường dốc Nhà Làng này, phải không? Khi xuống hết dốc, một số các bạn rẽ phải để

về đường Phan đình Phùng, một số quẹo trái để xuôi về Hoàng Diệu Lò Gạch, hay Cam Ly, một số đổ về đường Hai Bà Trưng rồi chạy dài về khu phố 4, số 6 và xa hơn nữa

Sau hơn nửa thế kỷ đã đi qua, nhưng tôi vẫn còn nhớ mãi những cử chỉ âu yếm và hem thương con vô bờ của mẹ tôi cho đến tận bây giờ. Khi mẹ tôi đưa tôi đến tận trường, trước khi quay gót trở về lại nhà theo chuyến xe ngựa ra đi buổi, lúc nào mẹ tôi cũng vỗ về, sợ tôi khóc vì nhớ nhà, nhớ cha mẹ và nhớ các em. Mẹ tôi không quên mua bỏ vào ngăn đựng sách vở của tôi một gói kẹo nhỏ để cho tôi có hem chất ngọt trong tuần. Vì tuổi còn bé quá, nên khi mẹ tôi vừa quay gót đi, thì hai hàng nước mắt của tôi cũng tuôn rơi theo. Tay lau nước mắt, nhưng tôi vẫn nhìn theo hình bóng của mẹ tôi với chiếc xe ngựa đang khuất dần trên đường dốc chợ Hòa Bình. Ngoài ra, mẹ tôi còn cho tôi một số tiền nhỏ đủ để ăn quà hem ở chợ Hòa Bình trước khi vào lớp. Chợ Hòa Bình bây giờ vẫn còn đó, vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, nhưng đã mất tên rồi. Ngày nay, người ta đã đổi tên chợ này thành rạp chiếu bóng 3 Tháng 2. Tôi nghĩ rằng, các bạn cũng như tôi, không bao giờ chúng ta quên được chợ Hòa Bình, ngôi chợ đầu tiên ở thành phố này. Cứ vào mỗi buổi hem, tôi thường ghé đến chợ, ngồi trên chiếc đòn nhỏ bằng gỗ để ăn bánh căn, một loại bánh mà bọn con nít chúng mình đứa nào cũng thích ăn. Bây giờ, mỗi khi có dịp về thăm lại quê nhà, tôi vẫn đi tìm ăn món bánh bình dân này. Nói đến bánh căn Đà Lạt, tôi nghĩ rằng các bạn đều đồng ý với tôi, món bánh dân dã và mộc mạc này vẫn luôn ngự trị trong tâm hồn chúng ta từ ngày còn bé dại cho đến tận bây giờ.

Dù đầu đã hai thứ tóc, nhưng chúng ta không thể nào quên được món bánh đầy hương vị đậm đà của quê hương mình. Tôi xin nhắc nhỏ với các bạn Đà Lạt, nếu các bạn có dịp về thăm quê nhà và các bạn lại thích ăn bánh căn thì hãy tìm về dốc Nha Địa Dư hỏi thăm tiệm bánh căn bà Mười để đến thưởng thức món bánh này. Tiệm bánh căn của bà Mười ngon nhất, sạch sẽ nhất, và nổi tiếng nhất tại Đà Lạt hiện nay. Khách người Việt ở nước ngoài hay ở phương xa, khi có dịp ghé

Đà Lạt đều đến đây thưởng thức để xem hư thực ra sao. Tôi không phải là người quảng cáo cho tiệm bánh bà Mười, vì ở Đà Lạt của chúng mình còn nhiều tiệm bánh căn cũng ngon không kém tiệm bánh này đâu các bạn. Các bạn Đà Lạt thân mến, ngày tôi bước chân vào bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp cho đến năm 1956, khu Chi Lăng của hemh chúng tôi đã hoàn toàn thay da đổi thịt. Vì nhìn thấy khu vực này có nhiều tiềm năng để mở mang hem các lãnh vực khác nữa, nên những con đường đất đỏ nhỏ hẹp trước đây nay chính quyền đã cho tu sửa đồng thời cho làm hem nhiều con đường mới để tiện việc giao thương. Đường được đổ đá và tráng nhựa chắc chắn hơn, rộng rãi và đẹp hơn trước, hem cho xe cộ di chuyển và khách bộ hành đi lại được thoải mái hơn. Loại xe ngựa chở khách như ngày xưa khi tôi còn học Tiểu Học, bây giờ không còn hoạt động nữa. Đường sá đi lại được nhiều chiều, đường đi từ Chi Lăng về thành phố Đà Lạt, đường đi về Trại Mát, Cầu Đất, Trạm Hành, đường về Trại Hầm và còn nhiều tuyến đường khác nữa để đi lại giữa khu vực này đến khu vực khác của thành phố.

Phương tiện giao thông được tăng lên một bậc, xe đò chở khách ra đời chạy trên các tuyến đường mới mở, ngày đêm như con thoi hai chiều nhộn nhịp suốt ngày. Thời gian này, trường Võ Bị Liên Quân do người Pháp còn quản trị và huấn luyện đang đóng ở Huế, cũng được dời về Đà Lạt cho phù hợp với địa thế. Doanh trại và vị trí của trường này nằm gần khu vực đồn điền Faraud. Trường có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan Việt Nam cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sau khi chính quyền Pháp rút khỏi Đông Dương. Với khí hậu mát mẻ quanh năm như ở nước Pháp, nên chính quyền Bảo Hộ thời bấy giờ đã cho xây dựng tại Chi Lăng một bệnh viện được mang tên là Hopital Catroux. Bệnh viện này chỉ dành riêng để điều trị cho binh sĩ quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương mà thôi.

Nằm trên một ngọn đồi tương đối cao và bằng phẳng hơn ở phía sau bệnh viện là một dãy nhà dài hem làm nơi ở cho nhân viên và lao công trực thuộc. Cách bệnh viện này không

xa là một ngôi nhà lầu nhiều tầng lớn hơn, khang trang hơn hem làm khu dưỡng bệnh và nghĩ mát cho quân nhân các cấp và nhân viên dân chính người Pháp. Công chức làm việc cho chính quyền Bảo Hộ ở Đalat, đa số là người Pháp, chỉ có một vài thông ngôn người Việt để giúp đỡ đồng hương của mình khi cần giao tiếp với cơ quan chính quyền địa phương. Như đã nói ở phần trên, vùng đất này do người Pháp khai phá khi họ đặt chân đến đây, nên họ đã chiếm một số đất đai rộng lớn để làm đồn điền nuôi súc vật, gia cầm, trồng các loại rau quả như đồn điền của hem họ Faraud. Hạt giống các loại cây trồng được đem từ Pháp qua. Người Pháp chọn những khu đất đẹp để xây dựng những biệt thự được thiết kế theo những kiểu nhà của Âu Châu thời bấy giờ. Các biệt thự này như những nét chấm phá với vẻ đẹp khác nhau, nằm rải rác đó đây chung quanh hồ Saint Benoit.

Đây là một hồ nước nhân tạo do người Pháp cho đào để chèo thuyền, câu cá, và tắm nắng vào những ngày trời nắng đẹp cuối tuần. Để cho dễ gọi, người Việt chúng ta gọi là hồ Mê Linh. Từ đất liền quanh hồ, người Pháp cho đổ đất nện kéo dài đến tận giữa hồ và xây trên khu đất đó một ngôi nhà hình tròn khá lớn, cao ráo và thoáng mát để làm câu lạc bộ khiêu vũ, nơi ăn uống sang trọng dành cho người Pháp Hồ Mê Linh có một đập nước nhỏ. Nước từ hồ Than Thở len lỏi qua những con lạch trong rừng dẫn nước về hồ Mê Linh. Từ đây, nước chảy qua con đập nhỏ này rồi xuôi hem về hồ Xuân Hương ở trung tâm thành phố Đà Lạt. Tại đây, nước lại thoát qua đập cầu Ông Đạo, rồi từ đó tuôn chảy về các sông suối khác của vùng cao nguyên Lâm Viên này. Các bạn Đà Lạt ơi! Hồ Mê Linh cũng nổi tiếng đẹp và nên thơ không kém những hồ nước khác, vì mỗi hồ có những nét đẹp và đáng yêu khác nhau, phải không? Các bạn cùng trang lứa với tôi ở khu Chi Lăng và những khu vực gần đó như Cầu Chun, ấp Hồng Lạc, ấp Cô Giang, đã có thời cùng bơi lội và tắm mát với tôi ở hồ này. Biết bao nhiêu kỷ niệm thân yêu của hemh tôi ở khu Chi Lăng và của các bạn ở những khu vực lân cận kể trên, khi chúng ta còn sống

với cha mẹ và người thân. Làm sao quên được những kỷ niệm đáng quý đó.

Viết đến đây, tôi chợt nhớ đến chị Thoa, một người bạn học thuở thiếu thời của tôi. Chị ấy cũng ở khu Chi Lăng, cùng học một trường, một lớp với tôi ở trung học Phương Mai trước năm 1956, sau này đổi thành trường Bùi thị Xuân dành cho nữ sinh. Riêng nam sinh thì chuyển qua học Trần hem Đạo. Chúng tôi cùng học chung với nhau cho đến ngày khôn lớn, rồi mỗi người mỗi ngã khi trưởng thành vì cuộc sống của riêng mình. hemhi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp, chị ấy thi vào ngành sư phạm rồi ra dạy học, còn tôi lêu bêu hem mấy năm rồi nhập ngũ theo tiếng gọi của người trai thời loạn. Hiện nay chị Thoa cùng gia đình đều định cư ở Mỹ. Chuyện hồ Mê Linh cũng làm tôi ngậm ngùi, nuối tiếc và xót xa khi tôi về thăm gia đình người em gái của tôi còn sống tại ngôi nhà cũ ở Chi Lăng trước đây. Tôi cứ nghĩ rằng, dù vật đổi sao dời, dù thời cuộc có thay đổi sau năm 1975 thế nào đi nữa, thì hồ Mê Linh của hemh tôi vẫn đẹp, vẫn còn hiện hữu và vẫn trơ gan cùng năm tháng.

Nhưng các bạn Đalat ơi! Tôi da diết buồn vì hồ Mê Linh đã không còn nữa. Hồ đã hoàn toàn biến mất vì đám người từ miền Bắc, sau năm 1975 vào sống ở khu vực này. Họ đã chiếm hồ, đổ đất lấp đầy rồi dựng lên trên đó những ngôi nhà nham nhở, đồng thời chia nhau mỗi người một khoảng nhỏ để làm ao nuôi cá. Buồn và thương quá, nhất là đối với những người sinh ra và lớn lên ở khu Chi Lăng và các vùng phụ cận, chắc chắn chúng ta đã có ít nhiều kỷ niệm suốt thời thơ ấu của mình với hồ này, phải không? hemhi gia đình cha mẹ tôi đã tạm ổn định xong cuộc sống trong bước đầu, cha tôi tìm chỗ để mở một tiệm may nhỏ gần ngôi chợ chồm hổm của người dân trên khoảng đất trống ở khu Chi Lăng, để may thuê quần áo nam nữ cho người Việt ở địa phương, may váy đầm cho phụ nữ người Pháp ở các vùng lân cận để sinh sống. Các bạn trưởng thành thân mến, tôi đã trình bày đôi nét tổng quát về địa thế và đời sống của người dân nơi cha mẹ tôi ở, để các bạn

có thể hình dung được phần nào bức tranh ảm đạm của buổi ban đầu tại vùng đất mới này. Mặc dầu khu Chi Lăng lúc bấy giờ của hemh tôi như thế đó, mọi người vẫn còn vật lộn với cơm áo hằng ngày, nhưng địa danh thân yêu này là chiếc nôi đầu đời đã ru và ấp ủ hemh tôi từ tấm bé cho đến ngày khôn lớn trưởng thành.

Dù chúng ta chào đời ở khu Chi Lăng, Trại Hầm, Trại Mát, Hồng Lạc, Cầu Đất, Trạm Hành, hay Fi Nôm, dù chúng ta sống ở Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, hay ở tận Suối Vàng, Đan Kia, Số 4 hay Số 6, và còn nhiều địa danh khác nữa của miền cao nguyên Lâm Viên này, tôi chắc chắn rằng tất cả chúng ta đều là dân chính gốc trưởng thành, là con cháu của thành phố Hoa Đào. Riêng đối với người phụ nữ Việt Nam ở Đà Lạt nói chung, nhất là các nữ sinh ở tuổi trăng tròn, tuổi ô mai của những trường trung học ở thành phố nghìn hoa dị thảo này, hình như họ đều được trời đất ở đây ưu ái ban cho đôi môi luôn mọng đỏ như thoa son, đôi má trắng hồng và mịn màng như thoa phấn. Vì thế, tất cả chị em phụ nữ ở vùng đất này được người đời không tiếc lời ngợi khen: Con gái Đalat má đỏ môi hồng là vậy. Hân hạnh và sung sướng quá, phải không các bạn? Một điều đặc biệt tôi muốn trình bày cùng các bạn nhưng ít người đề cập đến trong các bài viết của nhiều tác giả khi viết về thành phố thông reo này: Đó là giọng nói của người Đà Lạt. Các bạn cũng như tôi đều biết rằng, giọng nói của những người được sinh ra ở thành phố Hoa Đào, âm hưởng của họ khác hẳn với các vùng miền khác trên quê hương Việt Nam của chúng ta. Giọng nói Đà Lạt không mang âm hưởng của người Sài Gòn hay miền Tây Nam Bộ, không giống giọng nói của người Bình Định, Quảng Nam, hay Quảng Ngãi, lại càng khác xa giọng nói của người miền sông Hương núi Ngự.

Không nói gì đâu xa, những nơi chỉ cách thành phố Đà Lạt của chúng ta vài chục cây số mà thôi mà đã có nhiều thay đổi rồi. Từ Đơn Dương thuộc địa phận Đà Lạt, chạy xuống chân đèo Ngoạn Mục gần đập nước Đa Nhim là ranh giới của tỉnh

Ninh Thuận, Phan Rang cách nhau một đoạn đường chỉ hơn 30 cây số. Vậy mà giọng nói giữa Đà Lạt và Phan Rang khác nhau một trời một vực. Các bạn thấy đúng không? Giọng nói của người Đà Lạt chúng ta, tôi nghe hình như có vẻ ngọt ngào hơn, dễ nghe hơn, rõ ràng hơn. Có lẽ vì tôi quá yêu thương Đà Lạt, nên có phần chủ quan và thi vị hóa như thế mà thôi.

Người ta thường nói rằng:

- Khi thương thì trái ấu cũng tròn,
Khi ghét thì trái bồ hòn cũng méo.
- Khi thương nước đục cũng trong,
Khi ghét nước sạch giữa hem cũng dơ.

Phải không các bạn? Tôi mong các bạn ở những vùng miền khác hãy lượng thứ và châm chước cho tôi. Xin các bạn đừng giận hờn vì những ví dụ hồ đồ của tôi. Chân thành cám ơn các bạn. Thực tình mà nói, trên khắp mọi miền đất nước của chúng ta, thì âm hưởng và giọng nói của các bạn đều dễ thương như nhau. Tôi nghĩ rằng mỗi nơi mỗi vẻ, mỗi nơi đều có âm hưởng riêng, những đặc tính riêng của vùng miền nơi mình được sinh ra. Riêng tôi, một người được sinh ra và lớn lên tại Đà Lạt, nhưng khi nghe giọng nói của cô gái chính gốc Huế vẫn làm cho tôi ngất ngây và xao xuyến trong lòng. Giọng người con gái cố đô luôn có chút gì êm ái, mượt mà mời gọi và thánh thót như chim hót líu lo trên cành. Tôi đã được nghe và được biết giọng nói của những cô gái đất Thần Kinh đã làm cho nhiều đấng mày râu của mọi miền mê mệt, vì có nhiều người đã nói rằng:

Học trò trong Quảng ra thi,
Thấy cô gái Huế chân đi không đành.

Bây giờ tôi xin được trở về lại Đà Lạt của chúng ta. Những người sinh ra và lớn lên ở thành phố thông reo này, tôi nghĩ rằng giọng nói đó, âm hưởng của nó hình như được pha trộn với khí hậu mát mẻ quanh năm của núi rừng cao nguyên, của những thác ghềnh Pongour, Gougah, Prenn, Cam Ly cùng mạch nước của hồ Xuân Hương hợp lại và hòa quyện với nhau

mà tạo thành một giọng nói đặc biệt riêng của người Đà Lạt. Tôi nói như thế, không biết có đúng không? Các bạn nghe có lọt lỗ tai không? Có hổ đồ lắm không, hỡi các bạn Đà Lạt của tôi? Hay vì tôi quá yêu thành phố này của chúng ta mà tôi đã cường điệu như vậy.

Nếu tôi có nhân cách hóa một cách thái quá, tôi xin các bạn hãy đồng ý tôi, vì mèo khen mèo dài đuôi một tí, có sao đâu. Các bạn cũng như tôi, thành phố sương mù của chúng mình luôn nằm trong tim của mọi người. Dù ai nói ngã nói nghiêng, vẫn không thể xóa mờ được. Thành phố Hoa Đào lúc nào cũng cháy bỏng và đầy ắp trong tâm hồn của chúng ta, của những người con cùng một mẹ Đà Lạt sinh hem thôi. Nói về sự thương nhớ đối với thành phố Đà Lạt tôi không biết các bạn có cùng tâm trạng và cảm xúc như tôi hay không? Riêng tôi, khi tìm thấy trên mạng một bài viết và hình ảnh nói về Đà Lạt của bất cứ tác giả nào, tôi đều trân trọng và yêu quý bài viết đó của họ. Bài viết dù ngắn hay dài, dù đầy đủ hay thiếu một vài chi tiết của các địa danh mà tôi từng biết và đã đi qua, nhưng nếu bài viết đó có chút hơi hướm liên quan đến các nơi của thành phố này, tôi đều chăm chú đọc với nhiều đam mê. Tôi đọc từng chữ, từng câu, đọc từ đầu đến cuối để hy vọng bài viết và hình ảnh đó sẽ dẫn dắt tôi về khung trời thơ mộng cũ, để tôi tìm lại hình bóng bạn cũ, trường xưa của một thời thơ dại của mình trước đây. Nhắc lại những tháng ngày cũ ở Đà Lạt, tôi lại chợt nhớ đến người bạn học cùng Khóa 16 trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam năm 1959 với tôi: Bạn Trần Ngọc Toàn, người chính gốc Đà Lạt như tôi. Anh sinh ra và lớn lên ở ấp Hồng Lạc, gần ga xe lửa đẹp nỗi tiếng của thành phố này. Có thời gian Toàn và tôi cùng học ở trường Phương Mai trước năm 1956. Cuối năm 1962, sau khi ra trường Võ Bị, mỗi đứa đổi về một đơn vị chiến đấu khác nhau cho đến ngày mất nước. Thỉnh thoảng, trên Diễn Đàn Khóa 16 Hải Ngoại, Toàn thường có những bài viết và hình ảnh nói về Đà Lạt, do đó đôi lúc cũng làm tôi da diết buồn và thương nhớ hình bóng quê nhà.

Các bạn Đà Lạt ơi, những lần tôi được nhìn thấy lại hàng cây anh đào chạy dài theo dốc chợ dẫn lên khu phố Hòa Bình, hay cảnh hoa anh đào đang nở rộ đua nhau khoe thắm vào mùa Giáng Sinh trên đường Trần Hưng Đạo trong các hình ảnh được ai đó đã từng sống tại Đà Lạt hay du khách viếng thăm thành phố này phổ biến trên các trang mạng xã hội, hem tôi lại cảm thấy bùi ngùi, vấn vương nhớ về những tháng ngày xưa cũ trước đây khi tôi còn sống ở khu Chi Lăng của mình. Viết về Đà Lạt, tôi nghĩ rằng những ai đã từng gắn bó và yêu thương thành phố này, đều đã viết đầy đủ. Mặc dù bài viết của các bạn có rất nhiều chi tiết khác nhau, cách hành văn khác nhau, hình ảnh được các bạn miêu tả dưới nhiều góc cạnh cũng khác nhau. Nhưng tựu chung, đều là những nét đẹp và thân yêu nhất về thành phố của chúng ta. Tôi cũng như các bạn, mặc dù chúng ta đều là dân chính gốc Đà Lạt, nhưng tôi nghĩ rằng, mình sống ở khu vực nào của thành phố thì chỉ biết rõ khu vực đó mà thôi. Những địa danh nỗi tiếng và thơ mộng của Đà Lạt đều đã được viết hết rồi, tôi không nhắc lại ở đây nữa. Vì tôi là một cựu học sinh trường trung học Phương Mai ở Đà Lạt trước đây, một người con chính gốc của thành phố Hoa Đào, nên tôi mạo muội viết bài này gửi đến các bạn gốc Đà Lạt như tôi, cùng đọc và cùng chia xẻ với tôi về Tình Thương và Nỗi Nhớ đến thành phố đã một thời ấp ủ và cưu mang chúng ta cho đến ngày đủ hem, đủ cánh để tung bay bốn phương trời.

Tôi nghĩ được điều gì hay nhớ lại được những gì về thành phố của chúng ta, thì tôi viết lại những điều đó dù còn nhiều thiếu sót, đôi khi lại không đầu, không đuôi. Mong các bạn thông cảm và tha thứ cho tôi. Nhưng nếu viết về Đà Lạt mà không nhắc đến làng Đa Lợi Trại Hầm là một điều thiếu sót lớn. Tôi muốn nói đến loại mận ngọt và thơm ngon của Trại Hầm. Đặc biệt ở làng này, nhà nào cũng trồng mận, nhiều hay ít tùy theo diện tích đất của mình. Nhưng không phải ở thành phố Hoa Đào, chỗ đất nào cũng có thể trồng được loại mận này như ở làng Đa Lợi Trại Hầm, đâu các bạn. Mận trồng ở

đất Trại Hầm có vị ngọt thanh, đậm đà và thơm ngon. Nhưng cũng cây mận này, nếu đem trồng ở thôn Định An dưới chân đèo Prenn, chỉ cách thành phố Đà Lạt hơn 10 cây số, thì quả mận lại chua và có vị đắng.

Tôi không biết vì sao lại có sự khác biệt này. Có thể do đất đai, thổ nhưỡng, và khí hậu giữa hai nơi có khác nhau đôi chút mà quả mận không còn ngon ngọt như khi được trồng trên đất ở làng Đa Lợi. Trước năm 1975, mận Trại Hầm nổi tiếng khắp nơi. Khi quả mận hem vàng và mọng nước, có mùi thơm và có vị ngọt như đường phèn vậy. Những người Đà Lạt như chúng ta, đều đã một vài lần được thưởng thức loại mận này. Có thể nói rằng, hằng năm cứ đến mùa mận hem vàng ở làng Đa Lợi, chúng ta đều tìm về Trại Hầm để ăn những quả mận đầu mùa còn trĩu nặng và đong đưa trên cành. Du khách từ phương xa khi đến thăm Đà Lạt vào mùa mận, cũng phải ghé vào làng này để thưởng thức và mua đem về biếu bạn bè, người thân của mình món quà đặc sản thơm ngon cuả Đà Lạt. Các bạn ơi, không những tôi thích ăn loại mận được trồng ở làng Đa Lợi Trại Hầm, mà tôi còn yêu luôn cả ngôi làng bé nhỏ xinh xinh này như yêu máu thịt của mình vậy. Vì yêu Trại Hầm như thế, nên tôi thường ghé đến ngôi làng này vào những ngày cuối tuần khi tôi được phép xuất trại về thăm cha mẹ tôi ở Chi Lăng. Nhờ lui tới thường xuyên, nên tôi có dịp làm quen được người thiếu nữ đẹp nhất làng thời bấy giờ. Cô là con gái chủ nhân của một trong những vườn mận ngọt của làng này.

Từ đó, tôi đóng đô ở đây trong suốt thời gian tôi còn là sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Đà Lạt. Sau ba năm thụ huấn tại quân trường này, cuối tháng 12 năm 1962, tôi ra trường rồi vâng lệnh cha mẹ đôi bên, chúng tôi trở thành vợ chồng. Kể từ đó, nàng là người vợ hiền của tôi, là người đầu gối tay ấp của tôi, cùng tôi chia ngọt, xẻ bùi cho đến tận bây giờ. Nay đầu tóc của chúng tôi đã bạc trắng, vui cùng con cháu tại đất nước tự do và nhân bản này.

Toulouse ngày 10 tháng 12 năm 2017

BIẾT LÀM GÌ HƠN...

Vẫn biết một lời phản đối
Từ nơi hải ngoại ngàn xa
Khó có thể nào thay đổi…
Việt Nam – hai tiếng thiết tha!

Dẫu biết thế, nhưng không thể
Che tai, nhắm mắt làm ngơ
Trước mưu đồ toan xâu xé
Quê hương, chùm khế tuổi thơ

"Cõng rắn cắn gà nhà" thế!
Đặc quyền – Đặc lợi – Đặc khu
Đã qua bốn mươi năm lẻ
Được lòng dân… hay oán thù?

Hãy nhớ ngàn năm đô hộ
Người dân Nam vẫn kiên cường!
"Bán nước cầu vinh" chi chớ
Rồi đây cũng chỉ… nắm xương…

Chỉ biết góp lời kêu nhỏ
Gởi về cùng với yêu thương
Chia sẻ nỗi niềm trăn trở
Nhói đau cùng với quê hương!

Nguyễn Diễm Nga (K17/2)
- 6/7/2018

THƯ CẢM ƠN của
HỘI CSVSQ/TVBQGVN – NAM CA

Chân thành cảm ơn,

Quý CSVSQ và Phu Nhân đến tham dự Lễ Phủ Cờ cho Cố Đại Úy LÝ VĂN LỰC K21 CSVSQ/TVBQGVN.

Toán Nghi Lễ Phủ Cờ:

Các CSVSQ:

Trần Duy Biên K21 (MC buổi lễ)
Nguyễn Phước Ái Đỉnh K26 (Trưởng toán)
Trần Văn Giỏi K26
Nguyễn Duy Niên K27
Phạm Công Thành K28
Tsu A Cầu K29
Phòng Tít Chắng K29
Phạm Tấn Lộc K29

Danh sách người thăm viếng:

Các CSVSQ:
Phạm Minh Đức K16
Nguyễn Văn Thiệt K18
Lê Khắc Kha K19
Trần Vệ K19
Lê Nguyễn Thiện Truyền K20
Bà Trần Văn Quỳnh K20/1
Trần Đăng Khôi K21 & Phu Nhân
Phạm Quang Hậu K21 & Phu Nhân

Phạm Như Lũy K21 & Phu Nhân
Lê Quý Trấn K21 & Phu Nhân
Hồ Đăng Xứng K21 & Phu Nhân
Nguyễn Đắc Song Phương K21 & Phu Nhân
Nguyễn Trung Việt K21 & Phu Nhân
Châu Đồng Âu K21 & Phu Nhân
Trần Ngọc Linh K21
Nguyễn Quang Thuật K21
Đồng Duy Hùng K21
Trần Duy Biên K21& Phu nhân
Bà Quả Phụ Hoàng Nga K21/1
Bà Quả Phụ Trần Gia Bảo K21/1
Huỳnh Vinh Quang K22 & Phu Nhân
Nguyễn Tấn Hòe K22
Kiều Công Cự K22
Đỗ Mạnh Trường K23
Nguyễn Hàm K25
Huỳnh Công Kỉnh K25
Nguyễn Văn Tạo K26
Chị Trần Thị Kim Thoa K26/1

Bà quả phụ Lý Văn Lực K21 nhờ NT Đồng Duy Hùng K21 chuyển lời cám ơn chân thành của tang quyến đến THT, Hội Trưởng VB/Nam CA và tất cả CSVSQ đã đến thăm viếng Cố SVSQ Lý Văn Lực K21, đặc biệt là quí vị trong toán nghi lễ phủ cờ.

Quý vị vào Facebook "Tình Ca Alpha Đỏ" Ted Tạo Nguyễn, để xem những phát biểu rất cảm động của các CSVSQ K21.

Buổi Lễ Phủ Cờ rất thành công và xúc động.

Thành thật cám ơn quý vị đã tham dự.

Nam California, Ngày 24 tháng 09 năm 2022

TM/BCH/Hội Võ Bị Nam CA
Hội Trưởng
Trần Văn Giỏi K26

HÌNH ẢNH CỦA LỄ PHỦ KỲ NT LÝ VĂN LỰC, K21

Các CSVSQ Khóa 21 đang chào người bạn đồng khóa lần cuối cùng.

MẤT NƯỚC,
CÒN MẤT NHAU

CSVSQ LÊ VĂN DƯƠNG (G21)

Một lần mất nước triệu lần đau
Đau vậy chưa vừa. Còn mất nhau!
Ai không chua xót sầu ly biệt
Cả khóa sông núi sầu!

Bàng hoàng thương tiếc bạn tâm giao
Cảm xúc dâng lên tiếng thét gào
Hai cõi âm dương xa cách quá
Vần thơ viết vội trong nghẹn ngào.

Bạn bè thương, tính anh lặng thinh
Nhưng với anh em, sống hết mình
Họp khóa rộn ràng như chim hót
Lực cười không nói, mắt lung linh…

Nhớ thuở xông pha nơi trận mạc
Đời rung nhịp điệu nghe uy phong
Đem thời trai trẻ dâng sông núi
Anh đã hiên ngang với tang bồng.

Anh đã trải lòng với núi sông
Sát vai chiến hữu đến đường cùng
Lòng luôn như một, không thay đổi
Dù nước tang thương tận cuối hồn?

Khóa và anh, chí cả vuông tròn
Tuổi tác vùi theo vận nước non
Sắt son một lòng yêu nước Việt
Niềm riêng góp lại nỗi buồn chung.

Đời sao tràn ngập toàn đau thương
Đất nước điêu linh đến tận cùng
Trường Mẹ mất nhiều con yêu dấu
Giờ đây Trường lại mất anh luôn.

Lực ơi! Nguyên cớ gì vội đi
Đường dẫu xa xôi, đâu gấp chi,
Dù chuyện công hầu khanh với tướng
Làm sao sánh kịp bạn ù lỳ!

Lực ơi! Con bệnh nào ác ôn
Đưa bạn ra đi, xa núi sông
Xa vắng từ nay đành mãi mãi
Làm sao mơ tưởng buổi tương phùng.

Vĩnh biệt ngàn thu đau đớn thay
Tin nầy rung động cả trần ai
Anh đi xa khóa, xa thân quyến
Bỏ cả trời mây, bỏ cuộc sum vầy.

Hôm nay tựu tiễn anh lên đường
Trời đẹp Cali, đầy sắc hương
Cõi Phật Cảnh Tiên không phiền lụy
Anh về trên đó, thoát khỏi vô thường.

Từ Atlanta gởi về

***

PHÂN ƯU BẠN LÝ VĂN LỰC

CSVSQ Nguyễn Đức Bông – K21

Cùng hương linh bạn Lý văn Lực
Thưa chị Lực và gia đình,
Thưa tất cả quí vị đang hiện diện trong tang lễ.

Hôm nay là ngày 24/ 9 / 2022, nhằm ngày 29 /8 Nhâm Dần. Tại nhà quàn Peek Family Home, thành phố Westminster tiểu bang California.

Chúng tôi, những CSVSQ Khóa 21 Trường VBQGVN là bạn cùng khóa với anh Lý văn Lực, có mặt hôm nay, để tiễn đưa người bạn của chúng tôi về nơi an nghĩ cuối cùng.

Tôi xin phép được thay mặt các bạn nói lời vĩnh biệt.

Bạn Lý văn Lực ơi,

Mới 2 tháng trước đây, trong dịp họp mặt Võ Bị Toàn Cầu, các bạn khóa 21 đã cùng nhau thăm hỏi tình trạng sức khỏe của bạn. Thấy bạn vẫn chưa có dấu chỉ nào là bi quan. Tưởng rằng, bạn sẽ chóng bình phục rồi cùng bạn bè họp mặt vui chơi. Nhưng, bây giờ bạn đang nằm đó, trong quan tài cô đơn. Tưởng như gần lắm, nhưng thật, thì đã nghìn trùng xa cách, Lực ơi. Bạn đã ra đi mà không lời từ giả.Vội chung mà chẳng cáo, chưa biệt mà đã ly. Nghe sao tức tưởi đớn đau cho người ở lại.

Nhớ năm xưa, hơn nửa Thế Kỷ trước. Bởi vận nước điêu

linh, lòng dân ca thán, vì sự dã man tham tàn của chủ nghĩa cộng sản. Năm 1964 bạn đã xếp bút nghiên, tự nguyện gia nhập Khóa 21 Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, là quân trường đào tạo Sĩ Quan tác chiến chuyên nghiệp. Với chương trình Văn Hóa Đại Học và chương trình Quân Sự chỉ huy cấp Trung Đội.

Cuối năm 1966, sau khi tốt nghiệp bạn đã chọn về SĐ21/ TrĐ32/BB để phục vụ. Khởi đầu nghiệp lính, thỏa mãn tinh thần trai thời ly loạn. Năm 1968 bạn được chọn du học Hoa Kỳ với khóa Leadership (khóa đại đội trưởng). Rồi năm 1973, bạn lại được chọn du học Hoa Kỳ với khóa Advanced (khóa Tiểu đoàn trưởng).Trong vòng 5 năm bạn đã được du học Hoa Kỳ tới 2 lần, điều này chứng tỏ bạn phải là Sĩ Quan ưu tú của đơn vị. So sánh với các bạn cùng khóa, có mấy ai được như bạn phải không?

Là sĩ quan QLVNCH, với 10 năm quật cường chiến đấu cho Tự do và Hòa bình của Quê hương – Dân tộc. Nhưng ngày cuối cùng của Tháng Tư Đen 1975, Đại úy Lý Văn Lực phải nghe lệnh buông súng tan hàng, để ngậm ngùi nước non ngàn dặm ra đi:

" Nước mất ai mà dạ chẳng đau ?
Nhà tan thảm cảnh lắm thương sầu.
Xa vời đất tổ nghe gan thắt.
Quê mẹ vời trông thấy rụột bào"

Rồi, với những năm tù khổ sai biệt xứ, bạn đã hội đủ điều kiện để cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO 14 cuối năm 1992. Đất nước mà 19 năm trước, bạn đã từng là một sĩ quan du học. Nhưng bây giờ dù với thân thế là kẻ tị nạn trên xứ người. Bạn vẫn đầu cao lưng thẳng, xử dụng sở học mà trường Mẹ đã trao truyền. Bạn cùng vợ con, đã thành công xây dựng cơ nghiệp mới. Bạn rất xứng đáng là một cựu SVSQ của trường VBQGVN.

Những tưởng như vậy là an phận một đời. Kiếp nhân sinh, từ nay an nhiên tĩnh tại, vui thú điền viên. Phu thê hạnh phúc,

con cháu trưởng thành, gia đạo ấm êm. Nhưng không ai ngờ, bạn lại ra đi nhanh chóng như vậy. Thì thôi, có sinh thì có tử, hữu thủy tất hữu chung.

Kính thưa chị Lực,

SINH LÃO BỆNH TỬ là điều không ai có thể tránh được.

Xin chị đừng quá đau buồn, mà ảnh hưởng tới sức khỏe. Mong chị sớm vượt qua nỗi đau này quay quoắt này. Chúng tôi tin rằng, Anh Lực luôn luôn ở sát bên chị, để bảo vệ chị, giúp chị sống vui vẻ và hạnh phúc.

Bạn Lực ơi ! Toàn thể khóa 21 và gia đình, chung lòng cầu nguyện, để bạn sớm siêu thăng về miền Tịnh Độ.

KÍNH CHÀO VĨNH BIỆT BẠN.

BƯỚC CHÂN THIÊN SỨ.

Người đến rồi đi
Niềm vui ở lại
Dân nghèo khổ nhớ từng ngày
Vì còn ai đoái hoài đến họ
Người đến rồi đi
Con đường bụi nhỏ
Dốc đồi vời vợi thử thách từ tâm
Thước đo âm thầm bước chân thiên sứ

Một ngày qua thôn làng, thị tứ
Những nụ cười sau bàn tay vẩy gọi
Tình người nẩy nở

Với đầu trần và trái tim thôi
Người đến rồi đi
Tin yêu để lại
Lời rao giảng chân thật
Đối đầu với bóng tối lạnh lùng
Cõi vô minh bất chợt vô cùng
Những trống vắng không gì thay thế
Mỗi ngày qua tuổi già bóng xế

Nỗi ngẩn ngơ muộn màng
Xé nát tánh không
Một ngày qua, một ngày may mắn
Đức tin lớn dần
Trong sự nghèo khó
Và sống đời đơn giản
Những bước chân khai ngộ
Những tấm lòng bao la
Làm hòa bình nở hoa
và chiến tranh tàn lụi

Thế giới ẩn đầy tăm tối
Và quyền lợi vô thường
Sự sống chết lớn lao hơn đã tưởng
Những nỗi mừng khô héo vết thương
Nhưng thời gian không đủ thành sẹo
Những bước chân thiên sứ
Nối liền yêu thương
Và làm lành, cứu chuộc.

Lê Anh K27.